

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 18 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 67

Đoạn lớn thứ chín, là quyết định lựa chọn địa Tu tuệ, trong đó, 1/ Kết trước, sinh sau. 2/ Chính thức quyết định lựa chọn. 3/ Pháp khác không hiện.

Trong Chánh Quyết Trạch đầu tiên là nêu mười sáu danh. Sau giải thích theo thứ lớp. Trong tu Thanh văn thừa, Trung, Luận sư Cảnh cho rằng: “Nói”Do môn Tác ý an lập đế, nội quán chân như, nghĩa là quán chung bốn đế, thực hành nhân vô ngã làm môn phương tiện, nhập chứng chân như. Đây là “duyên” Thắng nghĩa đế (chân lý thắng nghĩa) “duyên” pháp riêng có lượng, có phần làm cảnh, đây là “duyên” tục đế, biết cảnh hữu biên, gọi là hữu lượng, chưa lia pháp chấp, gọi là có phân biệt.

Nay, để giải thích pháp này có năm câu:

1. Trụ chủng tánh.
2. Nói về hành vị. Nói: “Chưa nhập chánh tánh: bảy phương tiện; đã nhập chánh tánh: Kiến đạo trở lên.
3. Nói về ý nghiệp, chỉ cầu lợi mình.
4. Nói về môn Quán, dù khi chánh chứng, “duyên” phi an lập, mà đầu tiên tu phương tiện, phải quán bốn đế, nên nói rằng: “Do môn an lập, chánh trí thân chứng lý không vô tướng, nên nói “nội quán chân như”. Hậu trí “duyên” sai khác tục có phần giới hạn, nên nói rằng: “duyên” phân biệt có lượng”.
5. Nói về công việc đã làm vì dứt hết tham ái trở xuống.

Trong Đại thừa và do thú hưởng dấu vết vô thượng, nghĩa là hành xử của Niết-bàn Bồ-đề bậc Thánh trước, gọi là dấu vết, tức thú hưởng vào thời nay. Xưa nói đạo vô thượng. Đạo là dấu chân đi qua, cũng là tu ảnh tượng. Pháp sư Cảnh nói: “Tánh trí tìm kiếm, gọi là có phân biệt, đồng “duyên” với định, gọi là sở hành của Tam-ma-địa. Tâm

Định vắng lặng, gọi là vô phân biệt.”

Pháp sư Thái nói: “Ảnh tượng của sắc, cảnh giới của định, giống với sắc ngoài của định, gọi là ảnh tượng sắc vốn xanh, vàng v.v... của định, gọi là “sư sở tri”. Màu sắc xanh, vàng của định vì mượn tượng với sắc ngoài của định, nên gọi là phần đồng. Vì giống nhau, cho nên đồng loại. Định, Tuệ đều gọi là: “Tam-ma-địa”.

Việc bờ mé: Theo văn này, nhận biết cùng tận thế tục, gọi là “cùng tận tất cả tánh”. Xứng với như mà chiếu soi, gọi là “tánh như sở hữu”. Xưa nói rằng: “Biết như lý, như lượng, biết lý, cảnhh.”

Đắc tu: Theo Tỳ-đàm, có pháp được trước, pháp được ở vị lai đều thuộc về mình, thêm nghĩa sáng suốt nói là tu, gọi là Đắc tu. Nay trong Đại thừa, như trong mười tướng, tùy theo hiện hành của một tướng, dẫn phát hạt giống của tướng không hiện tiền khác đã có kia, làm cho chúng càng thêm tự tại thành thực, nên gọi là “Đắc tu”. Hoặc công hạnh của địa mình, tùy một hiện hành, huân phát, hạt giống, hiện hành của địa dưới, đều khiến tăng trưởng, cũng là “Đắc tu”. Hoặc hành động thế gian hiện khởi, có thể dẫn phát chung hạt giống, hiện hành của thế gian, xuất thế gian, khiến tăng trưởng. Đây là y cứ ở Bạc Thánh. Hoặc pháp xuất thế hiện khởi chung, có thể dẫn phát hạt giống thế gian, xuất thế gian, khiến chúng càng vượt hơn thêm, nghĩa là nhập kiến đạo, tu hạt giống của bảy phương tiện kia, khiến cho tăng trưởng, gọi là quyền thuộc của kiến đạo, khởi trong địa vị tu, không gọi là giải thoát phần v.v....

Tập Tu: Đòi với tướng vô thường, một đạo hiện ở trước; hoặc pháp thiện khác hiện khởi tu tập, cũng gọi là Tập tu.

Trừ khử tu: Do quán thân bất tịnh, ảnh tượng bất tịnh hiện ở trước, dứt rừ tướng tịnh v.v....

Nói: “Như phương tiện tiết xuất tiết”, nghĩa là tác ý tu định có nhiều phẩm loại, tướng sở duyên cũng có thô, tế. Do tác ý sau bỏ đi thô trước, vì dứt rừ dần.

Nói: “Dùng thân khinh an để dứt rừ thân thô, nặng, nghĩa là khinh an của cõi Sắc mà ở thân, khiến thân người tu hành khinh an trừ bỏ hạt giống cõi Dục. Hạt giống thô nặng vì làm cho thân thô nặng, nên phải dứt rừ.

Trong đối trị tu, trị nhằm chán tai họa, nghĩa là tất cả đạo thiện của thế gian, trừ bốn vô lượng và thần thông, vì chẳng phải đối trị nhằm chán tai họa, cho nên dứt trừ.

Trì đối trị: Nghĩa là dưới đây, được đạo thế gian, xuất thế gian, hoặc đạo giải thoát: Ở đây có hai giải thích:

1. “Văn này chính là thừa nhận trí vô phân biệt là vô ngại đoạn “hoặc”; hậu Trí là giải thoát tu chứng, gọi là đối trị trì”.

2. “Nghĩa là đạo xuất thế gian của Hậu đắc này: Ở đây lấy hậu trí làm đạo giải thoát; ở đây lấy trí vô phân biệt làm quả giải thoát. Dùng trí Hậu đắc làm đạo giải thoát, dù có hai, nhưng giải thoát trước là hơn.

Lại, có điểm khác nhau, nghĩa là đạo văn, tư, tu được gọi là nhằm chán tai họa: Ba tuệ hiện hành chung cho ưa thích, nhằm chán: Nay, lấy hạnh nhằm chán, gọi là trị nhằm chán tai họa.

Chuyển y của quả này gọi là đối trị trì: ở đây có hai giải thích:

1) “Quả của đạo vô ngại này là đạo Giải thoát, là chuyển y chủ thể chứng đắc, nên gọi là chuyển y của quả này gọi là đối trị trì.

2) “Tức lấy chuyển y vô vi, chủ thể trì hoặc không khởi, gọi là đối trị trì. Bốn tu trong đây là bốn tu của quyển trước, hoặc đồng, hoặc khác, nên xét biết.

Tiểu phần tu, nghĩa là quán một tướng vô thường v.v... vì khởi sự tu.

Biến hành tu: Vì quán các pháp “như”

Có gia hạnh tu: Đối với phương tiện tu Vô tướng kia, vì lúc quán chưa được nhập vận tu.

Trên đây, trong phần quyết trạch có mười hai đoạn: chín đoạn trước đã nói xong.

Dưới đây, là đoạn mười, hợp với Địa Thanh văn quyết định và Độc Giác có văn của bốn quyển rưỡi, trong đó, chỉ có quyết định Thanh văn, không quyết định địa Độc giác.

Y cứ trong đó được chia làm ba:

- 1) Kết thúc trước, sinh sau.
- 2) Chính thức quyết định lựa chọn.
- 3) Kết không hiện.

Nhưng trong chánh quyết trạch, đầu tiên dùng bảy môn để phân biệt. Kế là, dùng mười ba môn của một bài tụng để phân biệt. Sau, dùng sáu mươi bốn quyết trạch lẫn lộn.

Trong phần đầu, một giải thích về hữu tình vô tánh, có năm phen vấn nạn. Đáp rằng: “Mỗi thứ tánh giới, nghĩa là mỗi thứ lớp tánh. Vô lượng tánh giới, nghĩa sự khác nhau vô lượng.

Nói “Không có hữu tình không có căn”, nghĩa là không có chúng sinh không có hai mươi hai căn.

Nói “Vì tất cả giới ư? Hay vì có một giới riêng ư? Nghĩa là nếu có

ba tánh khác trong sát lợi, thì sẽ có bốn giới thú, bốn xứ khác trong địa ngục, là dụ không giống nhau, vì không có tánh Niết-bàn trong pháp đã thí dụ, nghĩa là vì không có cội Niết-bàn. Nếu trong địa ngục có hạt giống giới của một đường, thì cũng như có riêng cội không có Niết-bàn của pháp hữu vô Niết-bàn, nên biết thời gian sau của địa ngục không thích ứng, cho đến tạo thành Thú-Đà-La.

Nói “Nếu không trái nhau, thì tức Bồ-đặc-già-la này là pháp không có Niết-bàn, cũng là pháp có bát Niết-bàn, là không hợp lý. Vì tất cả chúng sinh lược có hai dạng:

- 1) Rốt ráo dứt trừ hai chướng.
- 2) Không thể dứt trừ hai chướng.

Hạng người thứ nhất là người có tánh Niết-bàn. Người thứ hai là người không có tánh Niết-bàn. Nếu ông nói hai người không trái nhau thì không hợp lý.

Nói “Nếu nói như thế, thì thiện căn bản thuận giải thoát phần lẽ ra không có quả v.v... Luận sư Cảnh nói: “nếu vậy, phần giải thoát của hạt giống ở trước”, lẽ ra là không có quả, vì trở thành vô tánh?. Lại, “Nếu vậy, thì không quyết định, tức tánh nhất định, là không hợp lý. Pháp sư Thái nói: “Như Luận Thành Thật chép: Được pháp chánh kiến của thế gian, trăm ngàn vị lai, cuối cùng sẽ không đọa vào đường ác, tức là người đã gieo trồng phần giải thoát, tất nhiên, sẽ chứng đắc Niết-bàn. Nếu người không có tánh Niết-bàn, thì Bồ-đề của giải thoát phần sẽ có sau Niết-bàn. Nếu người tạo nên Pháp không có Niết-bàn thì điều thiện của phần giải thoát tức sẽ là không, không có quả, không được Niết-bàn.

Nói: “Người kia sau khi gặp Phật, pháp, tăng rồi, trong hiện pháp, có thể khởi căn lành thuận giải thoát phần, mà nói là không có Bát Niết-bàn là không hợp lý! Vì, hễ đã gặp Tam Bảo rồi, người ấy có thể khởi thiện căn thuận giải thoát phần, nên biết không, bản hữu vô tử trong A-lại-da, có thể sinh ra hạt giống căn lành của thuận giải thoát phần. Nếu nói rằng, dù có khả năng sinh hạt giống thiện căn của thuận giải thoát phần mà lại nói là không có pháp Bát Niết-bàn thì không hợp lý. Nhưng về đạo lý của “có tánh”, “không có tánh” này, kinh luận đều nói không đồng nhau: Nếu theo luận Phật Tánh, trong phần phá chấp, để lập tánh “có”, “không”, nghĩa là vì đã phá, nên luận kia chép: “Đức Phật vì người Tiểu thừa nói “có” chúng sinh vì không trụ nơi tánh, nên không bao giờ nhập Niết-bàn.” Đối với lời nói này, sinh ra ngờ vực, khởi tâm không tin. Dưới đây, sẽ gạn, vấn nạn họ rằng: “Ông tin có

các thứ cõi thô, diệu v.v... của chúng sinh, thì sẽ khiến cho tin có chúng sinh “vô tánh”, lẽ ra cũng tin có chúng sinh “không căn” ư? Vì sao? Vì chúng sinh do có “căn”, “không có căn”, nên mới có các thứ xứ thô, diệu v.v.... Nếu ông không tin có chúng sinh không căn, thì làm sao có cõi thô, diệu? Nếu ông cho rằng có cõi thô, diệu v.v... thì sẽ không chia ra người có căn, không căn. Ta cũng tin có thế giới thô sơ, mầu nhiệm, không chia ra nghĩa “có tánh” “không tánh”. Nghĩa “có” có lỗi gì? Nếu ông nói “không có chúng sinh” “không có căn”, cho đến phá rộng người ngu lập phần giới hạn của giáo, chẳng màng đến việc so lường của hai cách nhìn.

2. Nói về sự khác nhau của Thanh văn, trong đó, được chia làm hai: Trước nói mười thứ; sau nói về hai loại.

Trong phần trước, nói “pháp đã nhập” ở đây gọi thứ hai, nghĩa là hàng Thanh văn đã gieo trồng thiện căn của giải thoát phần.

Nói “Thanh văn ở cõi thanh tịnh” nghĩa là sinh về tịnh độ, cũng có thể sinh trong thời kỳ thế giới hưng thịnh, như thời kỳ đức Di-lặc xuất hiện v.v....

Nói “Người keo kiệt v.v... ở nhà keo kiệt”, nếu theo luận Thành Thật nói, thì có năm thứ keo kiệt: chỗ ở keo kiệt, nhà keo kiệt, thí cho keo kiệt, ngợi khen keo kiệt và pháp keo kiệt.

Trong đây, nói sáu thứ khai hợp có khác:

Nói “Tọa cụ, giường nằm bờ mé, nghĩa là tọa cụ, giường nằm có ba phẩm, đây là phẩm hạ, nên gọi là bờ mé.

Nói “Hai thiên tội trọng vô dư, nghĩa là một thiên đầu là vô dư, thiên thứ hai là hữu dư.

Nói “Tăng-kỳ”, Hán dịch nói là chúng.

Người của thời kỳ hiền, thiện, thời kỳ này có hai giải thích:

1. Nói: “Thời kỳ pháp tượng, chánh, gọi là thời kỳ hiền, thiện”.
2. “Thời kỳ chánh pháp, gọi là thời đại Hiền, Thiện.

Nói: “Đều do thời kỳ chưa sinh, nghĩa là vào thời kỳ đức Như lai mới ra đời, chưa phá kiến, phá giới. Vào thời kỳ sau, Tu Đề Na Tử, đầu tiên phá giới cụ túc, A-lợi-tra, phá kiến trước hết, nói là đục không che lấp Trung đạo, phá kiến trong đây, gọi là tự hoàn.

Nói: “hoặc có một loại sau Bát Niết-bàn, người như thế, phần nhiều thân hư hoại, qua đời, lại được sinh cõi thiện v.v.... Hoặc có một loại. Ở đời sau cùng gặp Phật sau nhập Niết-bàn, vì người hiền, thiện, phần nhiều chết đi lại sinh cõi thiện. Về sau gây ra nghiệp ác, đều là người của thời kỳ hiền thiện.

Dưới đây, là nói về hai thứ chậm mau:

1. Có người siêng năng việc đạo, mà không có sức tu nên không nhập Thánh đạo.

2. Có người vì buông lung, nên dù có năng lực tu, nhưng vẫn chưa vào đạo Thánh.

3. Giải thích thì dụ mặt trăng. Trải qua bốn pháp như cụt giới v.v....

Nói “Bốn thứ tịnh: Tin Phật, Pháp, Tăng và Giới.

4. Giải thích Thanh văn, muốn sang nhà khác, trước phải dứt trừ ba tùy phiền não:

a- Nói “Do sáu thứ tương ứng với dứt trừ kiết, tùy phiền não của nhà bạn thân, nghĩa là sang, không thường xuyên sang là thứ nhất.

b- “Đối với việc đáng ưa thích” trở xuống là thứ hai.

c- “Không dùng cử chỉ hung bạo” trở xuống, là thứ ba.

d- “Khéo tự gìn giữ” trở xuống, là thứ tư.

e- Lại, “dùng tâm thuận theo xa lìa ” trở xuống, là thứ năm.

g- “Cũng như núi cao” trở xuống là thứ sáu.

Lại, do sáu tương ứng dứt trừ nhà keo kiệt:

1. Đối với sự hữu tình, không nhiệm, chấp mắc.

2. Không chấp mắc lợi dưỡng.

3. Không chấp mắc sự cung kính.

4. Đối với việc không có lợi, không sinh lo khổ.

5. Đối với không kính trọng, không sinh khổ lo lắng.

6. Đối với lợi dưỡng của mình, người tâm vẫn bình đẳng, không tự khen mình, không chê kẻ khác.

Lại, do sáu tương ứng với pháp thí của tâm dứt trừ nhiễm:

1) Không hy vọng ở người, tin thanh tịnh ở mình.

2) Đối với pháp xuất ly biết rõ như thật.

3) Vì dẫn phát niềm vui.

4) Vì dứt trừ khổ.

5) Nghe pháp, tu hành, được thắng lợi.

6) Sao cho thoát khổ, giữ gìn chánh pháp.

5. Giải thích Kinh Phật-Địa-Ca. (Tam Tạng Pháp sư cho rằng: “Tên người, người nước Phật-Địa-Ca, từ người lập tên Kinh” Luận sư Cảnh nói: “Phật-Địa-Ca Hán dịch là Ngã luận. Vì người này thường hay nói năng, biện luận, nên đặt tên từ lời nói.”

Trong văn có hai:

1. Chia ra ba chương, nhắc lại để giải thích.

2. Nói lại.

Phần trước, nói: “Thế nào là sở y của Tạp nhiễm thanh tịnh? Cho đến “Sở y của thanh tịnh”, nghĩa là nói về tùy miên của người Học, phàm phu chưa dứt trừ, thân đã nường tựa đều có thô nặng. Trong đây chỉ lấy thân đã bị y chỉ, không lấy chủ thể nường tựa, chủ thể nường tựa nhiễm, tịnh là hai môn sau.

“Thế nào là thanh tịnh? v.v... cho đến “đều được lìa trói buộc”. Luận sư Cảnh nói: “Ý trong đây nói về tạp nhiễm của phàm phu, vô lậu của người Học, đều nường tựa sắc thân thô, nặng hữu lậu. Trong thanh tịnh, chỉ nói về hai Học:

Học thứ nhất, nói là Trí chân như dùng làm y chỉ, có thể có công việc làm, nghĩa là dựa vào chứng trí, khởi trí Hậu đắc, tu tạo các công hạnh, tu tập tinh tấn, đều là Học. Đây là y cứ vào quả của ba Học trước và ở mười Địa.

Học thứ hai, nghĩa là vì phiền não đều được lìa trói buộc, nghĩa là vì dứt trừ các phiền não, chứng tu trí vô phân biệt. Trí Vô phân biệt là Học thứ hai. Trở lại Học chung và ở mười Địa. Pháp sư Huyền người Tân-La nói: “Người Học thứ nhất là Bồ-tát, người Học thứ hai là hàng Nhị thừa.

Dưới đây là nói lại, trước giải thích về thanh tịnh và Tạp nhiễm. Sau giải thích y chỉ.

Trong phần trước nói: “Tức thanh tịnh này, đại khái được chỉ bày rõ do năm nhân, nghĩa là năm nhân và là thanh tịnh. Tâm Học thứ tư trong năm nhân này đã dứt trừ phiền não, Tuệ học thứ năm đã dứt trừ phiền não, đây là Tạp nhiễm.

Nói “Năm thuận với xả ly đối tượng Học, phân biệt tham ái, nghĩa là người xả giới gọi là “Xả sở Học”. Lúc “Xả sở Học” là thuận với tâm mình, phân biệt tham ái trong việc này.

Giải thích y chỉ rằng: “Các chúng Thanh văn đại khái do ba tướng ưng khắp biết rõ:

1/ Do tự tánh, nghĩa là thân người này đã có tự tánh được bày tỏ do ba hai tướng.

a. Do có sắc nên làm rõ cộng tướng của tất cả thân, vì đồng có sắc với các hữu tình, nên gọi là cộng tướng (tướng chung).

b. Vì tính thô nặng, nên để lộ rõ tự tướng của mỗi thân riêng của người kia, nghĩa là đối với năm uẩn của mình, đều có tánh không điều hòa nhu thuận, thô nặng của phiền não, gọi là tự tướng của thân.

c. Do không thanh tịnh, nên chứng tỏ tướng không đồng phần với

thân trời, thân trời thanh tịnh, cũng như ngọn đèn sáng.

2/ Do nhân duyên cũng có ba thứ:

a. Tất cả nhân duyên cộng tướng của thân, tức bốn Đại chủng, mỗi đại chủng đều là nhân duyên của thân người trong tự tướng riêng, được chia làm hai, đủ với trước là ba. Do tai họa lỗi lầm có hai, như văn.

6. Nói lại quyết định lựa chọn của giai đoạn văn tuệ, gọi là phản ảnh tất cả văn tụng, trong văn tụng, đặt ra câu hỏi, đáp dưới đây. Trong phần đáp trước là nêu chung bốn nhân để giải thích về nghĩa. Sau, dẫn kinh làm chứng.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh cho rằng: “Nghĩa là nếu nói đại khái là quan nhân thanh tịnh”. Do trí quán sát hai danh, vì vốn ngộ nhập “hai không” nên gọi là nhân thanh tịnh. Quán tự tướng, quán sinh của bốn uẩn và danh của âm thanh. Quán nhân tạp nhiễm, nghĩa là trí quán do mê hai thứ danh, nên nhóm hợp thành sinh tử. Và vì hiển bày hai vô ngã, nên biết rõ khắp nhân vô ngã, Đẳng chí gọi là phản ảnh tất cả, nghĩa là mê danh của bốn uẩn trong đó chấp “ngã”, tên của bốn uẩn này có chung năng chấp. Nếu biết chỉ có bốn uẩn vốn chẳng phải là Ngã thì có thể dứt trừ đối tượng chấp cảnh tướng của tự ngã. Hiểu rõ tên của uẩn phản ảnh tất cả, nói là tướng cảnh giới của ngã. Nếu biết rõ khắp tên của Đẳng chí, của pháp vô ngã, phản ảnh tất cả, thì sẽ do tùy ngôn thuyết, gọi là chấp có các pháp. Nếu biết chỉ có ngôn danh, tùy danh chấp pháp, thì thể rốt ráo sẽ hiểu rõ ngôn thuyết, danh phản chiếu tất cả, chấp ngang trái pháp, ngã. Do trước kia chấp pháp, mới bắt đầu chấp ngã, nên nói pháp chấp là danh tướng sở y”, phản ảnh tất cả. Nếu mê hai danh, khởi lên hai chấp, phản ảnh lý “hai không”, tất nhiên, cũng gọi là danh phản ảnh tất cả.

Nay, ngộ hai danh, biết hai vô ngã, phản ảnh che khuất tất cả hai chấp điên đảo.”

Trên đây, đã giải thích câu đầu xong. “Nếu lỗi ở Bốn uẩn Vô Sắc” trở xuống, giải thích câu thứ hai, danh không có lỗi, nghĩa là “nếu đối với hai thứ đều không biết rõ” trở xuống, là giải thích nửa bài tụng dưới. Do một pháp của danh này đều tùy thuộc hành tự tại v.v... Pháp sư Thái nói: “Ảnh là đoạt, do danh của bốn uẩn có thể dứt trừ nhân, ngã tự cảnh giới của bốn uẩn, gọi là chứng lý nhân vô ngã, vì danh của bốn uẩn vô ngã, phản ảnh đoạt tướng nhân, ngã, nên nói danh phản ảnh tất cả văn của ngã”.

Lại, giải thích: “chúng sinh thường chấp bốn uẩn là Ngã. Quán chỉ có bốn uẩn, không thấy nhân, ngã, nên dùng danh của uẩn để lẩn át tất

cả “ngã”. Nhân ngôn thuyết gọi là chấp tất cả đều có tự tánh. Nếu quán chỉ có ngôn thuyết, thì gọi là không nhận thấy thể của các pháp, là giải thích về lý của pháp vô ngã. Ngôn thuyết, gọi là lẩn át pháp, ngã.

Ở trước, nói về bốn danh của bốn uẩn, phản ảnh nhân, ngã. Hai danh đã đặc biệt, hệ thuộc phản ảnh cũng khác nhau. Dưới đây dẫn kinh để làm chứng:

Vì tự tánh của pháp chấp, nên tánh của ngã chấp mới chuyển, nghĩa là do mê lời nói, gọi là tự tánh của pháp chấp, mới mê tánh chấp ngã của bốn uẩn mà chuyển.

Vì giác biết pháp này, nên giác biết pháp kia, nghĩa là giác biết pháp không có tánh, giác biết “ngã” kia là không. Do giác biết nên hoàn diệt, nghĩa là giác biết hai “ngã” không có, hai kiến hoàn diệt.

7) Giải thích bốn đế. Trước nêu chung, chỉ ra trước đã nói, nghĩa là nhập quán chân như, khi dứt trừ phiền não thì trước “duyên” bốn đế làm phương tiện tịnh “hoặc” nên nói là “sở duyên”.

“Như địa Thanh văn nói” trở xuống là phân biệt riêng bốn thứ bốn Thánh đế, trong đó được chia làm ba:

1- Nói chung tướng của đế

2- Nói riêng về bốn đế. 3- Phân biệt các môn: ban đầu nói: “ Nếu không diên đảo là tướng của chân lý, thì kiến đế của ngoại đạo đều là diên đảo, sao lại thuộc về đế lý được? Đây là một trách cứ. Nếu không gồm thu, thì các kiến diên đảo của ngoại đạo kia, lẽ ra chẳng phải là nhân khổ?”

Đáp: “Hành giải dù Diên đảo, nhưng thể là y tha. Vì có đáp, có cảm, nên thuộc về khổ đế, tập đế”.

Trong phần nói riêng, có bốn đoạn:

Đầu tiên, trong giải thích khổ đế, nói: “ Do hai tướng nên làm rõ nghĩa vô thường v.v.... Luận sư Cảnh nói: “ 1) Theo Đại thừa nói thể của biến kế sở chấp là thường, không có danh là vô thường. 2) Nghĩa các hành diệt hoại gọi là vô thường. Đại thừa có đủ hai nghĩa, Tiểu thừa chỉ có một nghĩa vô thường sau”.

Pháp sư Huyền nói: “1) Nghĩa chẳng thật có”, đây là vô thường mà Đại thừa nói, như luận Trung Biên Phân Biệt nói là không có vô thường đầu tiên. 2) Nghĩa diệt hoại là vô thường mà Tiểu thừa nói, hai tướng làm rõ khổ:

a) Do biến kế sở chấp, đối với “chẳng thật có” chấp có người, pháp, nên có tập khí thô, nặng, không được tự tại đối với các hành, nói lên khổ Hành.

b) Do ba thọ đã tùy sinh ra nghĩa chuyển nhau của tám thứ khổ. Nghĩa “Không vô ngã”: là do tự tánh quả khổ của y tha nhiễm, xa lìa nhân, pháp của tánh quyết định trong biến kế sở chấp, gọi là sáng tỏ nghĩa “không”. Đại thừa chỉ rõ hai vô ngã; Tiểu thừa làm rạn rở nhân vô ngã, nhưng nghĩa “không” vô ngã này, nếu theo Tát-bà-đa thì chỉ nói “Nhân không” Nhân Vô ngã”. Nếu luận Thành Thật thì nói đủ hai “không” nhân, pháp và hai vô ngã.

Nói “Giáo vô thí của giáo vô thường, Luận sư Cảnh nói: “Vì làm rõ quả từ nhân sinh, nên là vô thường; làm rõ nhân ở quả, pháp nhĩ trước vốn có, gọi là giáo vô thí”. Pháp sư Thái nói: “Giải thích về sự của mỗi niệm sinh, diệt, gọi là “giáo vô thường”. Giải thích về sự nối tiếp nhau của thường vô thí, gọi là “giáo vô thí”.

Có chỗ giải thích: “Nói pháp hữu vi, gọi là “giáo vô thường”; nói pháp vô vi, gọi là “giáo vô thí”.

Nói “Một là do nhiếp thọ”, Nghĩa là hành vô thường kèm theo thọ, năng. Hoặc đối với khổ hành, nên vô thường tức khổ.

Nói “Một là lìa các khổ hành, vì “ngã” không thật có, nghĩa làm rõ trái lại. Nếu giải thích thuận với tánh các hành của tám khổ là vô ngã. Vì năm thứ xoay vần nương tựa nhau, nghĩa là không vì có thể trụ riêng khổ tức vô ngã.

Nói “Có vô thường chẳng phải khổ, nghĩa là đạo đế v.v.... đạo, chẳng phải khổ thọ, nên chẳng phải khổ khổ. Đạo, chẳng phải ái biệt ly, đối thay, hư hoại, cũng chẳng phải cảnh mong cầu không được, đối thay, hư hoại. Lại sự thay đổi, hư hoại có hai:

1) Lạc thọ đối thay hư hoại sinh khổ.

2) Ái hư hoại sinh khổ. Đạo chẳng phải hư hoại sinh khổ, nên chẳng phải khổ hoại. Văn này là chứng minh khổ của duyên. Sinh, gọi là khổ hư hoại. Nỗi khổ ấy nếu theo Thành Thật, thì là một đạo đế, vô thường là khổ đế. Nếu theo Tát-bà-đa thì đạo đế sinh, vì thuận với ý của Bạc Thánh, nên chẳng phải khổ. Tập đủ bốn đạo, ba diệt, có hai. văn này là chứng minh khổ, tập đồng thể, vì đều có đủ khổ, v.v... mỗi thứ bốn nghĩa. Nói tánh tổn hại là khổ khổ, khổ thay đổi gọi là khổ hành. nghĩa khổ v.v... là một.

Nói “Vì tánh hao hụt, bức não, nên là khổ.

Kế là, giải thích Tập đế. (Trước đối với môn khổ, lấy “hoặc” “nghiệp” làm tập đế. Sau, trong giải thích kinh, ái là tập đế.

Trong phần trước có hai lượt hỏi đáp:

Trong phần đầu. Nếu theo Tát-bà-đa thì nhân, quả của một vật

khổ, tập là hai. Nếu theo Thành Thật, thì phiền não là nghiệp tập đế. Năm uẩn quả báo là khổ đế, nên khổ, tập có tự thể riêng. Nay, nghĩa Đại thừa có đồng, có khác. Pháp vô ký, thiện của thân La-hán kia, dù dứt trừ hạt giống phiền não nhưng vẫn còn có tập khí thô, nặng, nên cũng gọi là khổ.

Trong lượt hỏi, đáp thứ hai, y cứ theo giải thoát, thiện căn của quyết trạch phần để luận.

Hỏi: “Văn của quyển năm mươi một ở trước, Đối Pháp, Hiền Dương nói: “Giải thoát, quyết trạch là Đạo đế. Nay, lại nói là Tập, thì làm sao hiểu?”

Đáp: “Pháp sư Thái nói: “Do các đoạn văn này, nên biết nghĩa của Đại thừa; Ba đế đồng thể, có thể cảm bên cạnh nghĩa của quả đáng ưa thích là tập đế. Bên cạnh nghĩa bị tùy thuộc thô, nặng là khổ đế; có thể dẫn xuất bên cạnh nghĩa của Thánh đạo vô lậu là Đạo đế. Pháp sư Tăng Huyền cho rằng: “Tam Tạng Pháp sư không cho nghĩa trước là quyết định, lại giải thích rằng: “Mỗi cách giải thích về giải thoát đều có hai thứ:

1) Hạt giống vô lậu của bản hữu vô tử, ở phần vị của hai thứ thiện căn hữu, giả gọi là hai hạt giống thiện căn.

2) Trí Gia hạnh, hai hạt giống thiện căn hữu lậu thuộc về hạnh trí”.

Nay, nói rằng: “Tập đế được y cứ ở hữu lậu để nói”. Chỗ khác nói rằng “Đạo đế y cứ ở vô lậu để nói,” cho nên không trái nhau.

Dưới đây, sẽ giải thích ái là tập đế trong kinh; trong đó, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, đầu tiên, nêu chung bốn nhân, tiêu biểu ái làm tập:

1) Vì chi ái hay khởi thủ, nên ở giữa bao gồm các “hoặc”.

2) Vì các nghiệp giúp đỡ chi vô minh (sẽ giải thích sau).

Kế là, giải thích riêng, chỉ giải thích hai nhân sau.

Nói “Khấp các sự v.v... cho đến “cũng thế” nghĩa là như một ái theo đuổi ba thứ, nên giống như ái. Vì “duyên” tất cả pháp, gọi là khấp các sự, nên nói: “phải biết rằng cũng thế”.

Nói: “rằng đối với giải thoát ở trên, mong cầu muốn chứng, đây là “dục” của pháp lành, được gọi là ái, dù là ái, nhưng chẳng phải là “ái” của hữu sau.

Nói “Hoặc thành tựu trói buộc của cõi Sắc chứ chẳng phải trói buộc của cõi Dục” nghĩa là người sinh cõi Sắc. Nếu theo Tát-bà-đa thì phần nhiều thân sinh cõi trên, cũng thành tựu bốn thiền, thọ tương ứng

với tâm biến hóa của cõi Dục. Nhưng nay Đại thừa cho rằng: “Tứ thiên, tâm biến hóa của cõi Dục là hệ thuộc (trói buộc) bốn thiên, chứ chẳng phải hệ thuộc cõi Dục. Cho nên, thân sinh cõi Sắc không thành tựu thọ cõi Dục, đây là y cứ vào hiện hành, tự tại, cả hai đều thành tựu mà nói như thế y cứ ở hạt giống thành tựu cũng có nghĩa thành.

Nếu vậy, thì khi chín thứ qua đời, làm sao thân ở cõi trên khởi phiền não cõi Dục tương ứng với Thọ ư?

Giải thích: “Vì theo Đa số để biện luận nên nói không thành tựu, cũng có thể trong đây chỉ y cứ ở tự tại thành tựu mà nói, cho nên nói là không thành tựu”.

Nói “Lại sinh cõi Sắc, việc đã làm xong, người trụ đạo xuất thế và Diệt định, quả ban đầu trở lên, gọi là việc đã làm xong. Đây là khi Bạc Thánh nhập quán vô lậu và khi nhập Diệt tâm định. (Nhập tâm Diệt khi định). “Thọ” trói buộc cõi Dục, sắc chẳng phải hiện hành thành tựu và vì là tự tại thành tựu, cho nên không thành”.

Hỏi: “Nếu thân sinh cõi Dục, cõi Sắc bạc Thánh nhập quán vô lậu và khi nhập Diệt định, có hiện hành thọ tương ứng với thức A-lại-da của cõi Dục, sắc, sao lại nói là đều không thành tựu ư?”

Giải thích: “Trong đây, lại y cứ thọ của sáu thức mà nói như thế”.

Nói “Có thể phát khởi mười lăm vô nghĩa” nghĩa là nếu theo mười chánh lý của Luận tạng Tiểu thừa, thì mười sáu và như trong Luận Tạng ấy, tương văn mười lăm, rất dễ hiểu.
